

Số: 922 /TB-TTKN

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO
V/v duy trì chứng nhận sản phẩm phù hợp QCVN

Kính gửi: Công ty TNHH Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng Long

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản đã tiến hành đánh giá duy trì chứng nhận sự phù hợp đối với 02 sản phẩm thức ăn hỗn hợp có sự thay đổi về công thức sản phẩm nêu tại Đăng ký chứng nhận sản phẩm sản xuất trong nước ngày 12/9/2026 của Công ty TNHH Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng Long. Hồ sơ đánh giá của Công ty đã được xem xét và chuẩn y việc duy trì chứng nhận, thông tin chi tiết về sản phẩm (Phụ lục) và kết quả thử nghiệm kèm theo thông báo này.

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản thông báo để Công ty biết. Chúc quý Công ty đạt nhiều thành công hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay và trong thời gian tới.

Nơi nhận:

- Giám đốc TT (để b/c);
- Phòng QLĐV&KH;
- VPTT (BBT Website; Tài chính, Kế toán);
- Lưu: VT, CNKN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Thị Bưởi

Phụ lục
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Thông báo số /TB-TTKN ngày tháng 10 năm 2026
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản)

STT	Tên sản phẩm	Địa điểm sản xuất	Mã số hợp quy	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
1.	Thức ăn hỗn hợp nuôi tôm thẻ chân trắng nhãn hiệu LA OPAL, mã hiệu PA704	Địa điểm 1: Lô A05, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	HQ.3K.0081	QCVN 93:2025/BNNMT
2.	Thức ăn hỗn hợp nuôi tôm thẻ chân trắng nhãn hiệu LA OPAL, mã hiệu PA705	Địa điểm 2: Lô G1, G2, một phần Lô G3, đường số 4, KCN Thịnh Phát, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam		



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 15965/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Nguyễn Minh Hoàng

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Nguyễn Minh Hoàng

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản, dạng viên, đựng trong túi, bảo quản ở nhiệt độ thường.

Mã số mẫu/Sample code : 9.1239

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 26/09/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 26/09/2026

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Thức ăn hỗn hợp nuôi tôm thẻ chân trắng nhãn hiệu LA OPAL, mã số PA705 (H)	Asen (As) vô cơ (*)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012; AOAC 986.15; TCVN 8900-9:2012; TCVN 8467:2010; TCVN 11291:2016; TCVN 7604:2007)
	Chì (Pb) (*)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015; AOAC 986.15; TCVN 6496:2009; TCVN 10643:2014; TCVN 8126:2009; TCVN 7602:2007; TCVN 7603:2007)
	Cadimi (Cd) (*)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015; AOAC 986.15; TCVN 6496:2009; TCVN 10643:2014; TCVN 8126:2009; TCVN 7602:2007; TCVN 7603:2007)
	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012; AOAC 986.15; TCVN 8900-9:2012; TCVN 8467:2010; TCVN 11291:2016; TCVN 7604:2007)
	Aflatoxin B1 (*)	µg/kg (LOQ=1)	KPH	HDH-08 (Ref. AOAC 990.33; AOAC 991.31; TCVN 9126:2011; TCVN 7407:2004; TCVN 7596:2007; TCVN 6953:2001)
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13 (Sắc ký lỏng)

Cần Thơ, ngày/date: 02/10/2026

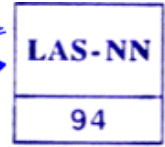
GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Phòng thử nghiệm đã được công nhận ISO/IEC 17025/ The testing laboratory has been accredited to ISO/IEC 17025.
- Tất cả các chỉ tiêu đã được cơ quan thẩm quyền chứng nhận hoạt động/All parameters have been certified for operation by the competent authority.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025
- (**) Chỉ tiêu được cơ quan thẩm quyền chỉ định/ parameters designated by the competent authority.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This result shall not be reproduced, in whole or in part, without the written approval of the Director of Regional Center I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 15966/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Nguyễn Minh Hoàng
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Nguyễn Minh Hoàng
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản, dạng viên, đựng trong túi, bảo quản ở nhiệt độ thường.
Mã số mẫu/Sample code : 9.1240
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 26/09/2026
Ngày phân tích/Analysing date : 26/09/2026

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Thức ăn hỗn hợp nuôi tôm thẻ chân trắng nhãn hiệu LA OPAL, mã số PA705 (S)	Salmonella spp. (*)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 02/10/2026
GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Phòng thử nghiệm đã được công nhận ISO/IEC 17025/ The testing laboratory has been accredited to ISO/IEC 17025 .
- Tất cả các chỉ tiêu đã được cơ quan thẩm quyền chứng nhận hoạt động/All parameters have been certified for operation by the competent authority.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025
- (**) Chỉ tiêu được cơ quan thẩm quyền chỉ định/ parameters designated by the competent authority.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation . LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This result shall not be reproduced, in whole or in part, without the written approval of the Director of Regional Center I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 15967/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Nguyễn Minh Hoàng

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Nguyễn Minh Hoàng

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản, dạng viên, đựng trong túi, bảo quản ở nhiệt độ thường.

Mã số mẫu/Sample code : 9.1241

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 26/09/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 26/09/2026

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Thức ăn hỗn hợp nuôi tôm thẻ chân trắng nhãn hiệu LA OPAL, mã số PA706 (H)	Asen (As) vô cơ (*)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012; AOAC 986.15; TCVN 8900-9:2012; TCVN 8467:2010; TCVN 11291:2016; TCVN 7604:2007)
	Chì (Pb) (*)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015; AOAC 986.15; TCVN 6496:2009; TCVN 10643:2014; TCVN 8126:2009; TCVN 7602:2007; TCVN 7603:2007)
	Cadimi (Cd) (*)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-7:2012; TCVN 10912:2015; AOAC 986.15; TCVN 6496:2009; TCVN 10643:2014; TCVN 8126:2009; TCVN 7602:2007; TCVN 7603:2007)
	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015; EN 16278:2012; EN 16277:2012; AOAC 986.15; TCVN 8900-9:2012; TCVN 8467:2010; TCVN 11291:2016; TCVN 7604:2007)
	Aflatoxin B1 (*)	µg/kg (LOQ=1)	KPH	HDH-08 (Ref. AOAC 990.33; AOAC 991.31; TCVN 9126:2011; TCVN 7407:2004; TCVN 7596:2007; TCVN 6953:2001)
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13 (Sắc ký lỏng)

Cần Thơ, ngày/date: 02/10/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Ghi chú/ Note:

- Phòng thử nghiệm đã được công nhận ISO/IEC 17025/ The testing laboratory has been accredited to ISO/IEC 17025.
- Tất cả các chỉ tiêu đã được cơ quan thẩm quyền chứng nhận hoạt động/All parameters have been certified for operation by the competent authority.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025
- (**) Chỉ tiêu được cơ quan thẩm quyền chỉ định/ parameters designated by the competent authority.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This result shall not be reproduced, in whole or in part, without the written approval of the Director of Regional Center I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 15968/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Nguyễn Minh Hoàng

Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Nguyễn Minh Hoàng

Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản, dạng viên, đựng trong túi, bảo quản ở nhiệt độ thường.

Mã số mẫu/Sample code : 9.1242

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 26/09/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 26/09/2026

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
Thức ăn hỗn hợp nuôi tôm thẻ chân trắng nhãn hiệu LA OPAL, mã số PA706 (S)	Salmonella spp. (*)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 02/10/2026
GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

**Ghi chú/ Note:**

- Phòng thử nghiệm đã được công nhận ISO/IEC 17025/ The testing laboratory has been accredited to ISO/IEC 17025.
- Tất cả các chỉ tiêu đã được cơ quan thẩm quyền chứng nhận hoạt động/All parameters have been certified for operation by the competent authority.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025
- (**) Chỉ tiêu được cơ quan thẩm quyền chỉ định/ parameters designated by the competent authority.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- (1) Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This result shall not be reproduced, in whole or in part, without the written approval of the Director of Regional Center I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.